

**TÒA ÁN NB DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/DS-ST

Ngày: 26-3-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NB DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NB DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nB dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Vạn**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Hải** - Thư ký Tòa án nB dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông **Phạm Tấn Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nB dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 284/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở S.

Địa chỉ: O, ấp c, xã T, huyện Y, Thành phố C

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phạm Quốc V**, sinh năm 1993

Địa chỉ: D1/36, ấp X, xã T, huyện Y, Thành phố C

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Nguyễn Hữu Thụy B**, sinh năm 1972.

2.2. Ông **Nguyễn Đình A**, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Nhà không số, Tổ 12, ấp , xã X, huyện Y, Thành phố C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Phạm Quốc V - người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở S (nguyên đơn) trình bày như sau:

Quỹ tín dụng nB dân cơ sở S cho Bà Nguyễn Hữu Thụy B và ông Nguyễn Đình A vay với số tiền là 30.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1559 ngày 21/6/2016.

Khoản vay trên đã đến hạn thanh toán ngày 21/7/2017. Từ ngày 27/7/2016 đến ngày 25/9/2017, bà B và ông A đã trả cho Quỹ tín dụng nB dân cơ sở S là 19.655.000 đồng, gồm: tiền nợ gốc là 10.002.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.050.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 1.575.000 đồng.

Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Nguyễn Hữu Thụy B và ông Nguyễn Đình A phải hoàn trả một lần tổng số nợ còn thiếu cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở S là 26.079.000 đồng. Trong đó: tiền nợ gốc là 19.980.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.050.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.025.000 đồng.

Bà Nguyễn Hữu Thụy B và ông Nguyễn Đình A (bị đơn) vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật: Vụ án được thụ lý trước ngày 01 tháng 7 năm 2017 nhưng sau ngày 01 tháng 7 năm 2017 mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm nên áp dụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng vay tài sản phát sinh tranh chấp được xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở S khởi kiện Bà Nguyễn Hữu Thụy B và ông Nguyễn Đình A tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là Bà Nguyễn Hữu Thụy B và ông Nguyễn Đình A cư trú tại huyện Bình Chánh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà Nguyễn Hữu Thụy B và ông Nguyễn Đình A (bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Ông Phạm Quốc V (đại diện nguyên đơn) có đơn xin vắng mặt tại tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà Nguyễn Hữu Thụy B, ông Nguyễn Đình A, ông Phạm Quốc V theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1559 ngày 21/6/2016 giữa Quỹ tín dụng nB dân cơ sở S với Bà Nguyễn Hữu Thụy B, ông Nguyễn Đình A: Quỹ tín dụng nB dân cơ sở S cho Bà Nguyễn Hữu Thụy B, ông Nguyễn Đình A vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); thời hạn vay 18 tháng, kể từ ngày

nhận nợ đầu tiên; lãi suất: 1,5%/tháng tính trên dư nợ 30.000.000 đồng gốc ban đầu, lãi suất được điều chỉnh 06 tháng/lần.

[5] Căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ Luật dân sự năm 2005, quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

[6] Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở S xác định từ ngày 27/7/2016 đến ngày 25/9/2017, bà B và ông A đã trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở S là 19.655.000 đồng, gồm: tiền nợ gốc là 10.002.000 đ, tiền lãi trong hạn là 4.050.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 1.575.000 đồng.

[7] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nB dân cơ sở S về việc yêu cầu Bà Nguyễn Hữu Thụy B và ông Nguyễn Đình A phải hoàn trả một lần tổng số nợ còn thiếu cho Quỹ tín dụng nB dân cơ sở S là 26.079.000 đồng, bao gồm: tiền nợ gốc là 19.980.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.050.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.025.000 đồng.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Hữu Thụy B và ông Nguyễn Đình A phải chịu 1.303.950 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 262, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ Luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 48 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở S.

Bà Nguyễn Hữu Thụy B và ông Nguyễn Đình A có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nB dân cơ sở S tổng số tiền 26.079.000đ (hai mươi sáu triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng), bao gồm: tiền nợ gốc là 19.980.000 đồng (mười chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là 4.050.000 đồng (bốn triệu không trăm năm chục nghìn đồng) và tiền lãi quá hạn là 2.025.000 đồng (hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo phương thức trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Hữu Thụy B và ông Nguyễn Đình A phải chịu 1.303.950 đồng (một triệu ba trăm lẻ ba nghìn chín trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở S số tiền 727.750 đồng (bảy trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng) là số tiền tạm ứng án phí mà Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở S đã đóng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0022009 ngày 05/6/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Thanh Loan